

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG  
**ĐƠN VỊ: KHOA DU LỊCH**

**ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN**  
**THI KẾT THÚC HỌC PHẦN**  
**Học kỳ 1, năm học 2023-2024**

**I. Thông tin chung**

Tên học phần:	CHINESE 3		
Mã học phần:	231_DTQ0032	Số tin chỉ:	3
Mã nhóm lớp học phần:	03		
Hình thức thi: <b>Trắc nghiệm kết hợp Tự luận</b>	Thời gian làm bài:	<b>60</b>	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	<input type="checkbox"/> Có	<input checked="" type="checkbox"/> Không	
	Sinh viên được sử dụng bộ gõ nhập chữ Trung Quốc để hoàn thành bài thi		

**1. Format đề thi**

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Tên các phương án lựa chọn: **in hoa, in đậm**
- Không sử dụng nhảy chữ/số tự động (numbering)
- Mặc định phương án đúng luôn luôn là Phương án A ghi ANSWER: A
- Tổng số câu hỏi thi:
- Quy ước đặt tên file đề thi:
  - + Mã học phần\_Tên học phần\_Mã nhóm học phần\_TNTL\_De 1
  - + Mã học phần\_Tên học phần\_Mã nhóm học phần\_TNTL\_De 1\_Mã đề (*Nếu sử dụng nhiều mã đề cho 1 lần thi*).

**2. Giao nhận đề thi**

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: [khaothivanlang@gmail.com](mailto:khaothivanlang@gmail.com) bao gồm file word và file pdf (*nén lại và đặt mật khẩu file nén*) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhất Linh).

- Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng **File Hot Potatoes**. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ Quý Thầy Cô.

## II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Vận dụng những kiến thức về con người, văn hóa vào lĩnh vực kinh doanh dịch vụ du lịch và lễ hành	Trắc nghiệm	40	1-10	3	PLO1
CLO3	Vận dụng kỹ năng phối hợp nhóm nhằm thích nghi với sự thay đổi trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ du lịch và lễ hành	Trắc nghiệm	40	11-20	3	PLO5
CLO4	Vận dụng tư duy phản biện và sáng tạo nhằm giải quyết vấn đề một cách hiệu quả trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ du lịch và lễ hành	Tự luận	20	1-9	4	PLO7

### Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1)

(2) Nêu nội dung của CLO tương ứng.

(3) Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

(4) Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).

(5) Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.

(6) Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.

(7) Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.

### III. Nội dung câu hỏi thi

Ví dụ:

#### **PHẦN TRẮC NGHIỆM (20+ 0.3)**

1. Chọn đáp án đúng (0.3 điểm)

教室

- A. sùshè
- B. xuéxiào
- C. jiàoshì
- D. shítáng

ANSWER: A

2. Chọn đáp án đúng (0.3 điểm)

因为

- A. yīnwèi
- B. yǐhòu
- C. kǎoshì
- D. suǒyǐ

ANSWER: A

3. Chọn đáp án đúng (0.3 điểm)

意思

- A. yìsi
- B. shíjiān
- C. yǐjīng
- D. búcuò

ANSWER: A

4. Chọn đáp án đúng (0.3 điểm)

牛奶

- A. niúnnǎi
- B. xiūxi
- C. chū yuàn
- D. jīchǎng

ANSWER: A

5. Chọn đáp án đúng (0.3 điểm)

时间

- A. shíjiān

- B. zhǔnbèi
  - C. jīngcháng
  - D. yángròu
- ANSWER: A

6. Chọn đáp án đúng (0.3 điểm)



- A. 明天我去机场接朋友。
  - B. 我还在教室学习呢。
  - C. 我们去食堂吃饭吧。
  - D. 昨天他在宿舍看电视。
- ANSWER: A

7. Chọn đáp án đúng (0.3 điểm)



- A. 他每天骑自行车去上课。
  - B. 今天送报纸来了吗？
  - C. 他们去打篮球了？
  - D. 我们去图书馆看书吧。
- ANSWER: A

8. Chọn đáp án đúng (0.3 điểm)



- A. 今天孩子生病了，不能去上课。
  - B. 妈妈还在做饭呢。
  - C. 这本汉语词典太贵了。
  - D. 昨天王老师给我打电话。
- ANSWER: A

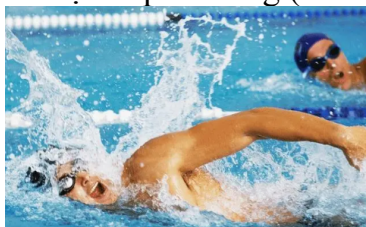
## 9. Chọn đáp án đúng (0.3 điểm)



- A. 八月去北京旅游最好。
- B. 你昨天为什么不来上课。
- C. 今天送牛奶的来了。
- D. 我们去买新椅子吧。

ANSWER: A

## 10. Chọn đáp án đúng (0.3 điểm)



- A. 今天太热了，他们已经去游泳了。
- B. 我们做公共汽车去吧。
- C. 天天都吃羊肉，今天我们吃牛肉吧。
- D. 我们都喜欢去旅游。

ANSWER: A

## 11-15. Đọc và nói câu phù hợp (1.5 điểm)

11. 坐公共汽车太慢了。

ANSWER: B

12. 你准备去北京旅游的东西了吗？

ANSWER: D

13. 今天我非常高兴，你们多吃点儿？

ANSWER: A

14. 我今天很累，不想做饭了，我们出去吃吧。

ANSWER: E

15. 医生说不能出院。

ANSWER: C

A. 我们也很高兴，生日快乐！

- B. 你为什么不坐公共汽车去公司?
- C. 什么? 已经三天了, 为什么?
- D. 我们下个星期去, 明天再准备吧。
- E. 我们家前面有一个小饭馆, 走几分钟就到了, 去那儿吃吧。

16. Đọc và chọn đáp án đúng (0.3 điểm)

大卫明天有考试, 所以还在教室学习呢。

问: 什么时候有考试?

- A. 明天
- B. 昨天
- C. 今天
- D. 两天

ANSWER: A

17. Đọc và chọn đáp án đúng (0.3 điểm)

因为昨天下雨, 所以我们都没去打篮球。

问: 昨天天气怎么样?

- A. 下雨。
- B. 很好。
- C. 很冷。
- D. 很热。

ANSWER: A

18. Đọc và chọn đáp án đúng (0.3 điểm)

男: 我们一起准备晚饭, 我做鱼, 你做羊肉吧。

女: 好的, 我也做一个菜吧。

问: 男的做什么?

- A. 做鱼
- B. 做羊肉
- C. 做菜
- D. 做牛肉

ANSWER: A

19. Đọc và chọn đáp án đúng (0.3 điểm)

丈夫: 下午我睡觉的时候有一个电话, 是谁接的?

妻子: 我知道, 是女儿接的?

问: 谁接电话?

- A. 女儿
- B. 妻子
- C. 丈夫
- D. 儿子

ANSWER: A

20. Đọc và chọn đáp án đúng (0.3 điểm)

男：这块手表是爸爸给我买的，我很喜欢。

女：真漂亮，我也喜欢。

问：男的喜欢什么？

A. 手表

B. 杯子

C. 篮球

D. 眼镜

ANSWER: A

.....

### PHẦN TỰ LUẬN (5 +0.4 / 4+0.5)

Câu 1-5: Điền từ thích hợp nhất vào chỗ trống

对 非常 件件 旁边 公司

Câu 1 (0.4 điểm): 晚上十点多了，爸爸还在 ( ) 工作呢。

**Đáp án Câu 1: 公司**

Câu 2 (0.4 điểm): 这家商店的衣服 ( ) 都漂亮。

**Đáp án Câu 2: 件件**

Câu 3 (0.4 điểm): 我太忙了，没时间运动，我知道运动 ( ) 身体很好。

**Đáp án Câu 3: 对**

Câu 4 (0.4 điểm): 这本书 ( ) 好，我们都看了，你也看看吧。

**Đáp án Câu 4: 非常**

Câu 5 (0.4 điểm): 妈妈在做饭呢，爸爸在桌子 ( ) 看报纸呢。

**Đáp án Câu 5: 旁边**

Câu 6 (0.5 điểm): Sắp xếp thành câu hoàn chỉnh

要/ 小时/ 坐/ 公共汽车/ 一个多/。

**Đáp án Câu 6:**

**坐公共汽车要一个多小时。**

Câu 7 (0.5 điểm): Sắp xếp thành câu hoàn chỉnh

看一下/ 帮我/ 这件/ 怎么样/ 衣服/。

**Đáp án Câu 7:**

**帮我看一下这件衣服怎么样。**

Câu 8 (0.5 điểm): Sắp xếp thành câu hoàn chỉnh

星期/ 都吃/ 羊肉/ 这个/ 天天/ 。

**Đáp án Câu 8:**

这个星期天天都吃羊肉。

Câu 9 (0.5 điểm): Sắp xếp thành câu hoàn chỉnh

的时候/ 十一岁/ 我/ 踢足球/ 开始/ 了/。

**Đáp án Câu 9:**

我十一岁的时候开始踢足球了。

.....

**ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM**

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
<b>I. Trắc nghiệm</b>		<b>6.0</b>	
Câu 1 – 10	A	0.3	
Câu 11	B	0.3	
Câu 12	D	0.3	
Câu 13	A	0.3	
Câu 14	E	0.3	
Câu 15	C	0.3	
Câu 16-20	A	0.3	
<b>II. Tự luận</b>		<b>4.0</b>	
Câu 1	公司	0.4	
Câu 2	件件	0.4	
Câu 3	对	0.4	
Câu 4	非常	0.4	
Câu 5	旁边	0.4	
Câu 6	坐公共汽车要一个多小时。	0.5	
Câu 7	帮我看一下这件衣服怎么样。	0.5	
Câu 8	这个星期天天都吃羊肉。	0.5	
Câu 9	我十一岁的时候开始踢足球了。	0.5	
<b>Điểm tổng</b>		<b>10.0</b>	

Người duyệt đề



ThS. Nguyễn Thị Ngọc Linh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 11 năm 2023

Giảng viên ra đề

Huỳnh Thục Nhi